

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **108/2024/HC-ST**
Ngày 19 - 7 - 2024
V/v khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Ngọc Tâm, bà Cù Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Lắc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc xét xử công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 177/2023/TLST-HC ngày 18/10/2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST-HC ngày 19/02/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2024/QĐST-HC ngày 11/3/2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2024/QĐST-HC ngày 10/4/2024; Thông báo mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 10/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2024/QĐST-HC ngày 02/7/2024, giữa:

*** Người khởi kiện:** Bà Lê Thị V, sinh năm 1971; trú tại: Tổ dân phố F, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; địa chỉ liên lạc: Số A, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc (*Có mặt*).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Minh N, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắc Lắc (*Có mặt*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị V: Luật sư Đặng T thuộc Công ty L; địa chỉ: Số A, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc (*Có mặt*).

*** Người bị kiện:**

- Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Đắc Lắc;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Đắc Lắc.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Văn N1, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B (*Có mặt*).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Phạm Hùng P, sinh năm 1958; địa chỉ: Tổ dân phố F, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum (*Vắng mặt*).

- Ủy ban nhân dân tỉnh Đ (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng người khởi kiện bà Lê Thị V và người đại diện theo ủy quyền ông Cao Minh N trình bày:**

Năm 1994, gia đình bà V mua của ông Lương Hồng P1 diện tích 1.298m² đất và tài sản trên đất, tại thôn D H, xã C (nay là thôn A, xã T, huyện B).

Năm 1996, toàn bộ diện tích 1.298m² đất và tài sản trên đất của gia đình bà V bị giải tỏa để xây dựng Khu trung tâm huyện B.

Năm 2000, bà V được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ là 10.979.326 đồng và được cấp 01 thửa đất tái định cư tại lô A2:37 Khu trung tâm huyện B.

Năm 2001, UBND huyện B đề nghị và được UBND tỉnh Đ điều chỉnh tăng giá đền bù đất và tài sản trên đất cho các hộ bị giải tỏa năm 1996 theo thời giá năm 2001, nhưng UBND huyện B bỏ sót hộ gia đình bà V. Ngày 23/11/2001, UBND tỉnh ban hành Quyết định 3615/QĐ-UBND chỉ phê duyệt kinh phí đền bù bổ sung cho 23/25 hộ, không có hộ bà V.

Năm 2004, bà V gửi đơn đến UBND huyện B, đề nghị trả thêm tiền bồi thường về đất, tài sản trên đất theo giá mới nhưng không được giải quyết.

Ngày 20/8/2008, bà V tiếp tục gửi đơn khiếu nại UBND huyện B và khiếu nại đến UBND tỉnh Đ, yêu cầu UBND huyện B trả thêm tiền do tăng giá bồi thường về đất, tài sản trên đất cho hộ bà V. Ngày 23/3/2013, Thanh tra tỉnh Đắk Lắk ban hành Văn bản số 60/TTr-NVI kết luận: “UBND huyện B không tính đền bù bổ sung theo giá mới cho hộ bà V là không đúng, trách nhiệm này thuộc về UBND huyện B, kiến nghị UBND tỉnh Đ chỉ đạo UBND huyện B bồi thường cho hộ bà V”. Ngày 08/4/2013, UBND tỉnh Đ ban hành Văn bản số 2158/UBND-NC “đồng ý với kết luận của Thanh tra tỉnh Đắk Lắk, yêu cầu Chủ tịch UBND huyện B giải quyết dứt điểm vụ việc khiếu nại của bà V”.

Ngày 28/5/2020, UBND huyện ban hành Quyết định số 2031/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà V: “chấp nhận một phần nội dung khiếu nại của bà V, đồng ý bổ sung bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình bà V”.

Ngày 30/12/2022, UBND huyện B lại ban hành Quyết định số 5856/QĐ-UBND hủy bỏ Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 28/5/2020 của U với lý do là không đảm bảo quy định của pháp luật nhưng không nêu rõ là quy định này.

Ngày 18/5/2023, UBND huyện B ban hành Quyết định số 1890/QĐ- UBND giải quyết khiếu nại của bà V, bác đơn bà V khiếu nại về yêu cầu trả thêm tiền do

tăng giá bồi thường về đất, tài sản trên đất. Điều này có nghĩa là UBND Buôn Đôn đã không thực hiện Văn bản số 60/TTr-NVI ngày 23/3/2013 của Thanh tra tỉnh Đắk Lắk, không chấp hành chỉ đạo của UBND tỉnh Đ tại Văn bản số 2158/UBND-NC ngày 08/4/2013, không thực hiện Biên bản đối thoại lần thứ 3 ngày 25/5/2020 giữa UBND huyện B với bà V, trái với Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 28/5/2020 của UBND huyện đã đồng ý bổ sung bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình bà V, nay lại không trả bổ sung thêm tiền bồi thường khi thu hồi giải tỏa 1.298m² đất và tài sản trên đất của hộ bà V theo giá tại thời điểm hiện nay.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, quy định về trường hợp thực hiện bồi thường chậm như sau: “a) *Bồi thường chậm do cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường gây ra mà giá đất tại thời điểm bồi thường do UBND cấp tỉnh công bố cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi, thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm trả tiền bồi thường*”. Theo đó UBND huyện B phải trả thêm tiền do tăng giá bồi thường về đất và tài sản trên đất cho hộ bà V theo giá thị trường năm 2023.

Vì vậy, bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết:

- Tuyên hủy Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện B vì đã bác đơn khiếu nại của bà V không có căn cứ.

- Buộc UBND huyện B lập phương án, trình UBND tỉnh Đ phê duyệt, bồi thường bổ sung cho hộ bà V, trong đó trả thêm tiền bồi thường về đất và tài sản trên đất cho hộ bà V theo giá thị trường năm 2023.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/3/2024, bà Lê Thị V yêu cầu hủy Quyết định số 5856/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND huyện B hủy bỏ Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 28/5/2020.

*** Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện là ông Lê Văn N1 trình bày:**

Bà Lê Thị V khiếu nại về việc UBND huyện B chưa thực hiện chi trả tiền đền bù, hỗ trợ bổ sung đợt 02 năm 2001 cho gia đình bà Lê Thị V khi thực hiện giải tỏa xây dựng Khu trung tâm huyện. Đề nghị xem xét, bồi thường đối với toàn bộ diện tích 1.298m² đất theo khung giá mới hiện hành.

Ngày 01/4/2016, UBND huyện ban hành Thông báo số 52/TB-UBND về việc thụ lý khiếu nại; Quyết định số 1266/QĐ-UBND ngày 28/3/2016 về việc xác minh nội dung khiếu nại của bà Lê Thị V.

Ngày 28/5/2020 Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 2031/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị V (lần đầu). Theo nội dung Quyết định số 2031, chấp nhận một phần nội dung khiếu nại của bà Lê Thị V, đồng ý bổ sung vào phương án bồi thường, hỗ trợ đối với bà Lê Thị V do bỏ sót nên chưa được UBND tỉnh Đ phê duyệt tại Quyết định số 3615/QĐ-UB ngày 23/11/2001 về việc phê duyệt kinh phí đền bù giải tỏa xây dựng khu trung tâm huyện B. Đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại số 2031/QĐ-UBND ngày

28/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện B, bà V đề nghị UBND huyện B chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà Lê Thị V, Chủ tịch UBND huyện B nhận thấy việc ban hành Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 28/5/2020 về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị V là không đảm bảo quy định của pháp luật, vì vậy, ngày 30/12/2022 UBND huyện ban hành Quyết định số 5856/QĐ-UBND về hủy bỏ Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 28/5/2020 của UBND huyện.

Ngày 18/5/2023 Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 1890/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị V (lần đầu).

Căn cứ vào Quyết định số 1267 ngày 03/7/1996 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc phê duyệt quy hoạch khu trung tâm hành chính huyện B; Quyết định số 2676 ngày 10/11/1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với 127 hộ trong đó có hộ bà Lê Thị V, ông Phạm Hùng P được bồi thường hỗ trợ 10.979.326 đồng (gia đình bà V đã nhận đủ số tiền nêu trên theo Phiếu chi số 66, quyển số 3 ngày 29/9/2000). Đồng thời, tại Quyết định số 700 ngày 21/8/2002 Ủy ban nhân dân huyện B đã giao cho hộ ông P, bà V 01 lô đất tái định cư, gia đình bà V đã nhận lô đất tái định cư và đã chuyển nhượng cho ông Phạm Hùng B, sau đó ông B đã chuyển nhượng cho người khác. Việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông P, bà V đã được UBND huyện B thực hiện xong và đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Việc UBND huyện tổ chức kiểm tra, xác minh và ban hành quyết định giải quyết đơn của bà Lê Thị V là đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét bác yêu cầu khởi kiện của bà V.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hùng P trình bày:** Ông P là chồng của bà Lê Thị V, ông thống nhất với phần trình bày của bà V và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V. Do bị bệnh nặng nên ông không thể trực tiếp tham gia tố tụng được, ông ủy quyền cho bà V thay mặt ông toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến vụ án.

*** Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện tranh luận:** Đồng ý với phần trình bày của bà V, không bổ sung gì thêm.

Tại phiên tòa, người khởi kiện thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 1890 và buộc UBND huyện B ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung về đất và tài sản trên đất cho hộ bà V theo giá tại thời điểm trả tiền bồi thường. Đồng thời rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với dung hủy Quyết định số 5856/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B hủy bỏ Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 28/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- *Về nội dung*: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị V là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 173, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị V: Hủy Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện B. Buộc UBND huyện B thực hiện hành vi lập phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ bà Lê Thị V theo đúng quy định.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị V về việc hủy Quyết định số 5856/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- *Về đối tượng khởi kiện*: Bà Lê Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị V (Lần đầu) (sau đây viết tắt là Quyết định số 1890); đồng thời buộc UBND huyện B phải ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ trong đó trả thêm tiền bồi thường về đất và tài sản trên đất cho hộ bà V theo giá tại thời điểm phê duyệt là đối tượng khởi kiện được quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 3 của Luật Tố tụng hành chính.

- *Về thời hiệu*: Ngày 18/5/2023, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 1890. Ngày 07/6/2023, bà Lê Thị V nộp đơn khởi kiện là trong thời hiệu quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

- *Về thẩm quyền giải quyết*: Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

- *Về sự có mặt của đương sự*: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân tỉnh Đ và ông Phạm Hùng P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 157, Điều 158 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị V về việc hủy Quyết định số 1890 và buộc UBND huyện B ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung về đất và tài sản trên đất cho hộ bà V theo giá tại thời điểm trả tiền bồi thường thì thấy:

[2.1] Về thẩm quyền và trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 1890:

Căn cứ khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011 thì Chủ tịch UBND huyện có thẩm quyền: “*Giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình*”. Do đó, việc Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 1890 để giải quyết khiếu nại lần đầu đối với khiếu nại của bà Lê Thị V là đúng thẩm quyền.

Căn cứ các Điều 27, 29, 30, 31, 32 Luật Khiếu nại năm 2011 thì việc ban hành Quyết định số 1890 của Chủ tịch UBND huyện B là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Năm 2008 bà Lê Thị V có đơn khiếu nại gửi UBND huyện B nhưng quá trình xác minh, làm việc kéo dài đến ngày 18/5/2023 mới có Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu là vi phạm thời hạn quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.2] Về nội dung của Quyết định số 1890:

Ngày 03/7/1996, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 1267/QĐ-UB về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết khu trung tâm huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 10/11/1998, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 2676/1998/QĐ-UB về việc phê duyệt kinh phí đền bù giải tỏa xây dựng khu trung tâm huyện B, trong đó bồi thường cho hộ bà Lê Thị V tổng số tiền 10.979.326 đồng. Ngày 23/11/2001, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 3615/QĐ-UB về việc phê duyệt kinh phí đền bù giải tỏa trung tâm huyện B, trong danh sách đền bù không có hộ bà Lê Thị V nên sau đó bà V đã khiếu nại nhưng không được chấp nhận.

Lý do UBND huyện B đưa ra là do trong 02 đợt phê duyệt, thời điểm thực hiện giải tỏa kéo dài nên có 25 hộ dân không thực hiện di dời theo quy định, UBND huyện đã xin ý kiến của UBND tỉnh và lập lại hồ sơ điều chỉnh giá đền bù cho 25 hộ dân theo giá tại thời điểm năm 2001. Còn hộ bà V do đã nhận đầy đủ tiền đền bù vào năm 2000 và bàn giao mặt bằng giải tỏa, đến năm 2002 gia đình bà V chuyển sang huyện N, tỉnh Kon Tum sinh sống, làm ăn nên không được bồi thường bổ sung theo đơn giá mới.

Xét, tại Công văn số 60/TTr-NVI ngày 22/3/2013 của Thanh tra tỉnh Đắk Lắk có nêu kết quả xác minh theo đơn khiếu nại của bà Lê Thị V như sau: Qua làm việc với các hộ dân có tên trong danh sách nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng theo Quyết định phê duyệt kinh phí đền bù giải tỏa khu trung tâm huyện B năm 1998 và năm 2001 (hộ ông Hoàng Văn H, Trần Văn T1) thì được biết các hộ dân đều có 01 lô đất thuộc khu vực đền bù giải tỏa khu vực trung tâm huyện B, khi nhà nước thu hồi để quy hoạch khu trung tâm huyện thì các hộ dân đều được nhận tiền vào 02 đợt, đợt 1 vào năm 2000 và đợt bổ sung vào năm 2001, được UBND huyện bố trí 01 lô tái định cư.

Tại Tờ trình số 136/TT-UB ngày 13/11/2001 của UBND huyện B gửi UBND tỉnh Đ về việc đề nghị phê duyệt kinh phí đền bù giải tỏa 25 hộ khu trung tâm huyện B nhưng không có hộ bà V. Trên cơ sở Tờ trình này, UBND tỉnh đã

ban hành Quyết định số 3615/QĐ-UB ngày 23/11/2001 về việc phê duyệt kinh phí đền bù giải tỏa trung tâm huyện B.

Xét các hộ dân nằm trong khu vực bồi thường giải phóng mặt bằng khu trung tâm huyện B cùng đợt với gia đình bà V đều được tính toán bồi thường vào 02 đợt (đợt 1 năm 1998, chi trả năm 2000 và đợt bổ sung vào năm 2001), riêng hộ bà V ông P chỉ được tính toán bồi thường vào năm 1998. UBND huyện cho rằng do lý do 25 hộ được bồi thường bổ sung lần 2 là do các hộ này chưa di dời, còn hộ bà V đã bàn giao mặt bằng, giải tỏa nên không được hỗ trợ là không phù hợp. Mặt khác, thời điểm UBND huyện đề nghị UBND tỉnh xem xét bồi thường bổ sung là ngày 13/11/2001 không có tên bà V, ông P nhưng tại Quyết định số 700/2002/QĐ-UB ngày 21/8/2002 của UBND huyện B về việc giao quyền sử dụng đất thì hộ bà V vẫn được giao 01 lô đất tái định cư tại xã E, huyện B.

Ngoài ra, tại Công văn số 352/UBND-TTr ngày 29/9/2008 của UBND huyện B cũng đã nêu: *“Năm 2001, Ban đền bù giải tỏa của U đền bù bổ sung theo giá mới cho 15 hộ nói trên nhưng bỏ sót, không tính giá mới cho hộ bà Lê Thị V...”*. Nội dung này cũng được Thanh tra tỉnh Đắk Lắk kết luận tại Công văn số 60/TTr-NVI ngày 22/3/2013: UBND huyện B khi tính toán đền bù bổ sung năm 2001 khu vực trung tâm huyện B cho các hộ được bồi thường cùng thời điểm với hộ ông P, bà V nhưng không tính toán bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho gia đình ông P, bà V do đã chuyển đi Kon Tum là không đúng, thiếu sót này trách nhiệm thuộc về UBND huyện B. Đồng thời tại Công văn số 2158/UBND-NC ngày 09/4/2013 Chủ tịch UBND tỉnh Đ đã giao Chủ tịch UBND huyện B kiểm tra, rà soát giải quyết dứt điểm vụ việc theo quy định của pháp luật. Công văn số 4453/UBND-NC ngày 23/5/2024 của UBND tỉnh Đ đã lý giải điều này có nghĩa là yêu cầu Chủ tịch UBND huyện B chỉ đạo Hội đồng đền bù thiệt hại giải phóng mặt bằng lập bổ sung phương án hỗ trợ đối với trường hợp của hộ bà V trình cấp có thẩm quyền thẩm định phê duyệt theo quy định.

Thực hiện chỉ đạo trên, UBND huyện B đã rà soát, lên các phương án hỗ trợ bổ sung cho hộ bà V theo Quyết định 3615/QĐ-UB ngày 23/11/2001 của UBND tỉnh Đ và ban hành Quyết định số 1769/QĐ-UBND ngày 15/5/2014, theo đó tổng số tiền hộ bà V được nhận là 35.648.200 đồng. Không đồng ý với đơn giá này, bà V tiếp tục khiếu nại yêu cầu được bồi thường theo khung giá mới hiện hành thì được UBND huyện B giải quyết tại Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 28/5/2020, chấp nhận nội dung khiếu nại của bà V, đồng ý bổ sung vào phương án bồi thường đối với hộ bà V do bỏ sót nên chưa được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3615/QĐ-UB ngày 23/11/2001. Tuy nhiên, sau đó Quyết định số 2031/QĐ-UBND trên bị hủy bỏ, đơn khiếu nại của bà V được giải quyết tại Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 18/5/2023.

Như vậy, bà V cho rằng UBND huyện B khi tính toán đền bù giải tỏa bổ sung theo đơn giá mới vào năm 2001 đã bỏ sót gia đình bà V là có cơ sở và nội dung này cũng đã được UBND tỉnh đồng ý cho phép điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định pháp luật. Do đó, Chủ tịch UBND huyện B không chấp nhận đơn khiếu nại của bà V đối với nội dung này là không đúng.

Còn đối với nội dung đơn giá để tính toán, bồi thường bổ sung cho hộ bà V thì thấy: Tại thời điểm giải tỏa thu hồi đất, UBND tỉnh Đ đã có Quyết định số 2676/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí đền bù giải tỏa trong đó có hộ bà V, ông P. Sau đó, trên cơ sở đề nghị của UBND huyện B thì UBND tỉnh đã có Quyết định số 3615/QĐ-UBND ngày 23/11/2001 mục đích điều chỉnh giá đền bù cho các hộ dân theo giá tại thời điểm năm 2001, nhưng do lỗi của UBND huyện nên đã bỏ sót hộ bà V. Vì vậy, để đảm bảo sự công bằng giữa hộ bà V với các hộ dân khác có đất bị giải tỏa tại thời điểm năm 1996 nhưng đã được chi trả bồi thường 02 đợt thì cần buộc UBND huyện B bồi thường, hỗ trợ bổ sung về đất và tài sản trên đất cho hộ bà V do bị bỏ sót vào năm 2001 theo giá tại thời điểm trả tiền bồi thường là phù hợp.

Từ những phân tích, nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị V về việc hủy Quyết định số 1890 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, buộc Ủy ban nhân dân huyện B bồi thường, hỗ trợ bổ sung về đất và tài sản trên đất cho hộ bà Lê Thị V là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 5856/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND huyện B hủy bỏ Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 28/5/2020 thì tại phiên tòa người khởi kiện đã rút. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Luật Tố tụng hành chính.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Lê Thị V không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; Điều 158; khoản 2 Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ các điều 18, 27, 29, 30, 31, 32 Luật Khiếu nại năm 2011; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Lê Thị V:

- Hủy Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị V (lần đầu);

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện B thực hiện bồi thường, hỗ trợ bổ sung về đất và tài sản trên đất cho hộ bà Lê Thị V theo giá tại thời điểm trả tiền bồi thường do bị bỏ sót vào năm 2001.

[2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị V về việc hủy Quyết định số 5856/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B hủy bỏ Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 28/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị V.

[3] Về án phí:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

Ủy ban nhân dân huyện B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

Bà Lê Thị V được trả lại 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2023/0003376 ngày 10/10/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

Hoàng Kim Khánh